

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/DS-ST
Ngày: 04-10-2019
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản,
tranh chấp tiền hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Thống.

Ông Lê Hoàng Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Yến – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản, tranh chấp tiền hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ánh M, sinh năm 1969 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1966 và bà Võ Tú A, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Khóm 4, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 12 năm 2018 và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn bà Nguyễn Ánh M trình bày yêu cầu khởi kiện:

Về nợ tiền vay: Ngày 17/7/2018 âm lịch (âl) bà M có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn U, bà Võ Tú A vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 6% /tháng, lãi trả hàng tháng, có đóng lãi 03 tháng = 18.000.000 đồng, sau đó ngưng không đóng lãi; Ngày 24/7/2018 âl vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất theo thỏa thuận theo từng thời gian vay, lãi trả hàng tháng, có đưa tiền lãi được 30.000.000 đồng tương đương với 01 tháng lãi, sau đó ngưng cho đến nay; Ngày 22/9/2018 âl vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 6%/tháng, chưa đóng lãi.

Tổng cộng nợ gốc tiền vay là 700.000.000 đồng.

Về nợ tiền hội: Loại hội ai bỏ thăm cao thì được hốt hội, chủ hội được hưởng hoa hồng (tiền cò), cụ thể:

- Dây hội khai ngày 01/09/2017 âl, hội 20.000.000 đồng, 01 tháng khai 01 lần, gồm 30 chân, vợ chồng ông U tham gia 01 chân. Hốt hội vào kỳ khai thứ nhất thăm bỏ 4.920.000 đồng, số tiền hốt hội sau khi trừ hoa hồng (tiền cò) còn được nhận 427.320.000 đồng. Sau khi hốt hội đóng hội chết được 12 kỳ thì ngưng, tính từ ngày ngưng đóng hội ngày 30/09/2018 âl cho đến nay đã tràn hội 12 kỳ x 20.000.000 đồng = 240.000.000 đồng, hội còn 05 kỳ mới mãn hội, tính đến mãn hội còn nợ 17 kỳ bằng 340.000.000 đồng, hội vẫn còn đang khai, ngày mãn hội ngày 01/01/2020 âl.

- Dây hội khai ngày 20/02/2018 âl, hội 10.000.000 đồng, 01 tháng khai 01 lần, 31 chân, vợ chồng ông U tham gia 01 chân. Hốt hội vào kỳ khai thứ tư thăm bỏ 2.800.000 đồng, số tiền hốt hội sau khi trừ tiền cò còn được nhận 119.400.000 đồng. Sau khi hốt hội có đóng hội chết được 04 kỳ thì ngưng, tính từ ngày ngưng đóng hội ngày 20/9/2018 âl đến nay đã tràn hội 12 kỳ x 10.000.000 đồng = 120.000.000 đồng, hội còn 11 kỳ mới mãn, tính đến mãn hội là nợ 23 kỳ bằng 230.000.000 đồng.

Tổng cộng nợ tiền hội của hai dây hội là 570.000.000 đồng.

Việc vay nợ có biên nhận do ông U ký tên, đối với hụi 20.000.000 đồng khi hốt hụi vợ chồng ông U có ký xác nhận hụi viên nhận tiền.

Bà M yêu cầu vợ chồng ông U thanh toán tiền vay 700.000.000 đồng và lãi suất chưa thanh toán theo mức lãi do Nhà nước quy định; tiền hụi 570.000.000 đồng, bà M đã trản hụi cho vợ chồng ông U số tiền 360.000.000 đồng, phần này không yêu cầu vợ chồng ông U trả lãi.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, bà M có nộp đơn xin rút một phần đơn khởi kiện, rút lại phần khởi kiện về tiền vay, yêu cầu giải quyết tiền nợ hụi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn U và bà Võ Tú A, Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định ông U và bà Tú A không có văn bản trả lời cho Tòa án; Tòa án tổng đạt thông báo về phiên họp và phiên hòa giải 02 lần nhưng bị đơn không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có kiến nghị.

Về nội dung vụ án đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của bà M, buộc vợ chồng ông U thanh toán tiền hụi 570.000.000 đồng. Đình chỉ phần yêu cầu thanh toán tiền vay 700.000.000 đồng.

Án phí và chi phí giám định vợ chồng ông U phải chịu, bà M có nộp được nhận lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện ghi đúng nơi cư trú của bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Văn U, bà Võ Tú A. Trước khi Tòa án thụ lý vụ án bị đơn đã thay đổi nơi cư trú không báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che

giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện do đó Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự và Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án niêm yết công khai giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn U và bà Võ Tú A.

Bà Nguyễn Ánh M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bà M khởi kiện vợ chồng ông Nguyễn Văn U, bà Võ Tú A về việc thanh toán tiền vay, tiền hụi. Ngày 29 tháng 8 năm 2019 bà M có gửi đơn đến Tòa án xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền vay. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 219 đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà M về việc khởi kiện thanh toán tiền vay.

Về nội dung:

[1] Xác định quan hệ pháp luật: Bà M khởi kiện định vợ chồng ông U thiếu hai khoản tiền, một khoản tiền hụi và một khoản tiền vay nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp tiền hụi.

[2] Áp dụng pháp luật: Tòa án thụ lý ngày 12 tháng 12 năm 2018 nên áp dụng Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biếu, phưởng để giải quyết; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tính án phí.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền hụi: Bà M yêu cầu thanh toán 570.000.000 đồng tiền hụi của hai chân hụi, do phía bị đơn không có văn bản nêu ý kiến mình và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, bà M yêu cầu Tòa án thu thập mẫu chữ ký, chữ viết của ông U và bà Tú A để giám định đối với giấy giao hụi ngày 1 tháng 9 năm 2017 âm lịch mà ông U và bà Tú A đã viết và ký tên khi giao nhận tiền hụi của chân hụi 20.000.000 đồng. Tòa án đã trưng cầu giám định,

căn cứ kết luận giám định số: 36/GĐ-2018 ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau, kết luận:

Chữ ký và chữ viết họ tên “**Nguyễn Văn U**” dưới cụm từ “**Hội viên kí nhận tiền**” trên tập học sinh ghi ngày 1/9/2017^{ÂL} bút lục số 67 (ký hiệu A4), so với chữ ký, chữ viết trên 02 (hai) “**GIẤY RÚT TIỀN**” ngày 12/9/2018; ngày 05/10/2018 (Không kể chữ ký dưới mục “*Thủ quỹ*”; “*Giao dịch viên*”; “*Kiểm soát*”; “*Giao dịch viên/Thủ quỹ*”) và chữ ký, chữ viết họ tên “**Nguyễn Văn U**”, dưới mục “**BÊN A**” trên “**HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**” chứng nhận ngày 23/6/2017 (Ký hiệu từ M1 đến M3) là do cùng một người viết ra.

Như vậy, có cơ sở khẳng định đối với biên nhận tiền của chân hội 20.000.000 đồng ngày 1/9/2017^{ÂL} là do ông U viết và ký tên.

Đối với chân hội 10 triệu khai ngày 20/02/2018 âm lịch, một tháng khai 01 lần, 31 chân, vợ chồng ông U tham gia 01 chân. Hết hội vào kỳ khai thứ tư thăm bỏ 2.800.000 đồng, số tiền hết hội sau khi trừ tiền cò còn được nhận 119.400.000 đồng. Sau khi hết hội có đóng hội chết được 04 kỳ, còn nợ 23 kỳ bằng 230.000.000 đồng.

Tòa án xác minh những người cùng tham gia chơi hội với vợ chồng ông U xác nhận là vợ chồng ông U có tham gia 02 dây hội do bà M làm chủ, dây hội 10.000.000 đồng khai ngày 20/02/2018 ^{ÂL} và dây hội 20.000.000 đồng khai ngày 01/9/2017^{ÂL}, mỗi dây hội vợ chồng ông U tham gia 01 chân và đều hết hết. Lý do những người này biết là vì có đi khai hội và bỏ thăm hết hội, nhưng lần nào ông U cũng bỏ hội hết được trước họ, hội hiện nay chưa mãn. Lời trình bày của nhân chứng phù hợp với danh sách hội có tên Anh U (DV THÚY AN) do nguyên đơn và người làm chứng cung cấp (bút lục số 65, 66, 100, 101, 103, 104).

Mặc khác, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc thông báo cho bị đơn biết là bà M khởi kiện, nhưng hết thời hạn pháp luật quy định bị đơn vợ chồng ông U, bà Tú A không có văn bản thể hiện ý kiến phản đối việc khởi kiện của bà M.

Từ những phân tích trên, có cơ sở xác định vợ chồng ông U có tham gia 02 chân hội của 02 dây hội do bà M làm chủ, sau khi hết hội không đóng hội chết nên bà M khởi kiện là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Đối với chữ ký và chữ viết của bà Tú A vợ ông U, do mẫu so sánh gửi kèm theo ít không đủ cơ sở kết luận. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 27 Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014 quy định trách nhiệm liên đới của vợ, chồng; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Mặc khác, khi Tòa án thụ lý vụ án và niêm yết thông báo thụ lý vụ án tại nhà bị đơn và tại Ủy ban nhân dân thị trấn nơi cư trú cuối cùng của bị đơn trong thời gian dài, nhưng phía bà Tú A không có ý kiến phản đối về việc khởi kiện của nguyên đơn nên buộc bà Tú A có trách nhiệm liên đới với ông U thanh toán tiền hui cho bà M là có cơ sở. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn U, bà Võ Tú A liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Ánh M tiền nợ hui 570.000.000 đồng.

Về lãi suất: Bà M không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông U và bà Tú A chậm trả tiền còn phải trả lãi trên số tiền chậm trả, mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

[5] Về chi phí giám định: Yêu cầu giám định của nguyên đơn về chữ ký, chữ viết trong biên nhận nhận tiền đúng là của ông U; do đó vợ chồng ông U phải chịu toàn bộ chi phí giám định với số tiền là 4.880.000 đồng theo quy định tại Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà M đã nộp tạm ứng tiền chi phí giám định nên vợ chồng ông U, bà Tú A có nghĩa vụ nộp khoản chi phí này, nộp để hoàn trả lại cho bà M theo quy định tại Điều 162 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà M được nhận lại tiền tạm ứng chi phí giám định là 4.880.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của bà M được chấp nhận toàn bộ nên ông U và bà Tú A phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền 570.000.000 đồng là 26.800.000 đồng.

Bà M không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí được nhận lại toàn bộ.

Ý kiến kiểm sát viên là có cơ sở được chấp nhận toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 và khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ánh M về tranh chấp hợp đồng vay đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn U, bà Võ Tú A. Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 161, 162 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 17, 23, 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ánh M về việc khởi kiện vợ chồng ông Nguyễn Văn U và bà Võ Tú A yêu cầu thanh toán tiền hội. Buộc ông Nguyễn Văn U, bà Võ Tú A có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Ánh M tổng số tiền hội 570.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông U và bà Tú A chậm trả tiền còn phải trả lãi trên số tiền chậm trả, mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- **Về chi phí giám định:** Buộc vợ chồng ông U và bà Tú A liên đới chịu chi phí giám định là 4.880.000 đồng, nộp để hoàn trả cho bà M; Bà M được nhận lại chi phí giám định 4.880.000 đồng do vợ chồng ông U, bà Tú A nộp trả.

- **Về án phí:** Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 26.800.000 đồng, ông Nguyễn Văn U và bà Võ Tú A phải liên đới chịu toàn bộ án phí.

Bà Nguyễn Ánh M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, có nộp tiền tạm ứng án phí là 25.050.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016253 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính